

**NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TỔ CHỨC
CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRONG THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

Nguyễn Thị Bích Vân^a, Lê Thị Kim Dung^b, Trần Hoàng Kim Ngân^c, Phạm Thị Nhung^d

Tóm tắt:

Mục đích: Đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp (DN) tại thành phố Đà Nẵng. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp (DN) tại thành phố Đà Nẵng. Qua đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp (DN) trong thời kỳ chuyển đổi số tại thành phố Đà Nẵng. **Phương pháp nghiên cứu:** gồm có phương pháp định tính và phương pháp định lượng. **Kết luận:** Đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán. Ngoài ra, nghiên cứu sẽ phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán và tổng hợp kết quả. Từ đó, nhóm tác giả đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp (DN) trong thời kỳ chuyển đổi số tại thành phố Đà Nẵng.

**RESEARCH ON FACTORS AFFECTING THE ORGANIZATION
OF ENTERPRISE ACCOUNTING WORK IN DA NANG CITY
DURING THE DIGITAL TRANSFORMATION PERIOD**

Abstract:

Purpose: Assess the current situation of accounting organization of enterprises in Da Nang city. Analyze factors affecting the organization of accounting work of enterprises in Da Nang city. Thereby, propose solutions to improve the quality and efficiency of accounting organization of enterprises in the digital transformation period in Da Nang city. **Research methods:** include qualitative methods and quantitative methods. **Conclusion:** Assess the current status of accounting organization. In addition, the study will analyze the factors affecting the organization of accounting work and summarize the results. From there, the authors propose solutions to improve the quality and efficiency of accounting organization of enterprises in the digital transformation period in Da Nang city.

^a Khoa Tài chính - Kế toán, Trường Đại Học Đông Á

^b Khoa Tài chính - Kế toán, Trường Đại Học Đông Á

^c Khoa Tài chính - Kế toán, Trường Đại Học Đông Á

^d Khoa Tài chính - Kế toán, Trường Đại Học Đông Á

Đặt vấn đề

- Trong bối cảnh chuyển đổi số, công tác kế toán giữ vai trò trung tâm trong việc cung cấp thông tin chiến lược cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, quá trình tổ chức lại công tác kế toán đang đối mặt với nhiều thách thức như chi phí đầu tư công nghệ, năng lực nhân sự và thay đổi quy trình làm việc. Việc ứng dụng các công nghệ hiện đại như AI, Big Data, blockchain và điện toán đám mây mang lại cơ hội nâng cao hiệu quả và minh bạch trong kế toán, nhưng không phải doanh nghiệp nào cũng sẵn sàng triển khai.

- Tại Đà Nẵng – thành phố đi đầu trong chuyển đổi số – phần lớn doanh nghiệp là doanh nghiệp vừa và nhỏ, gặp khó khăn trong ứng dụng công nghệ vào kế toán do hạn chế về nguồn lực và kỹ năng. Dù đã có nhiều nghiên cứu về chuyển đổi số trong kế toán, phần lớn tập trung vào doanh nghiệp lớn hoặc lĩnh vực cụ thể, trong khi các doanh nghiệp tại địa phương như Đà Nẵng chưa được nghiên cứu sâu.

- Xuất phát từ thực tiễn đó, nhóm sinh viên khoa Tài chính – Kế toán, trường Đại học Đông Á quyết định thực hiện đề tài: ***“Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp trong thời kỳ chuyển đổi số tại thành phố Đà Nẵng”*** nhằm đóng góp giải pháp phù hợp, nâng cao hiệu quả tổ chức công tác kế toán tại địa phương.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu:

- Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán DN trong thời kỳ chuyển đổi số tại TP Đà Nẵng

Phương pháp nghiên cứu:

- Nghiên cứu định tính: Nghiên cứu khám phá, tìm hiểu các nhân tố (các yếu tố chủ yếu) ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán DN tại thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ chuyển đổi số.

- Nghiên cứu định lượng:

+ Lập bảng hỏi để tiến hành khảo sát các DN tại thành phố Đà Nẵng về các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán DN trong thời kỳ chuyển đổi số.

+ Hỏi ý kiến chuyên gia về bảng hỏi xây dựng dựa trên mô hình nghiên cứu.

+ Khảo sát và thu thập dữ liệu

+ Sử dụng phần mềm SPSS 27 để xử lý dữ liệu đã thu thập được và đọc kết quả

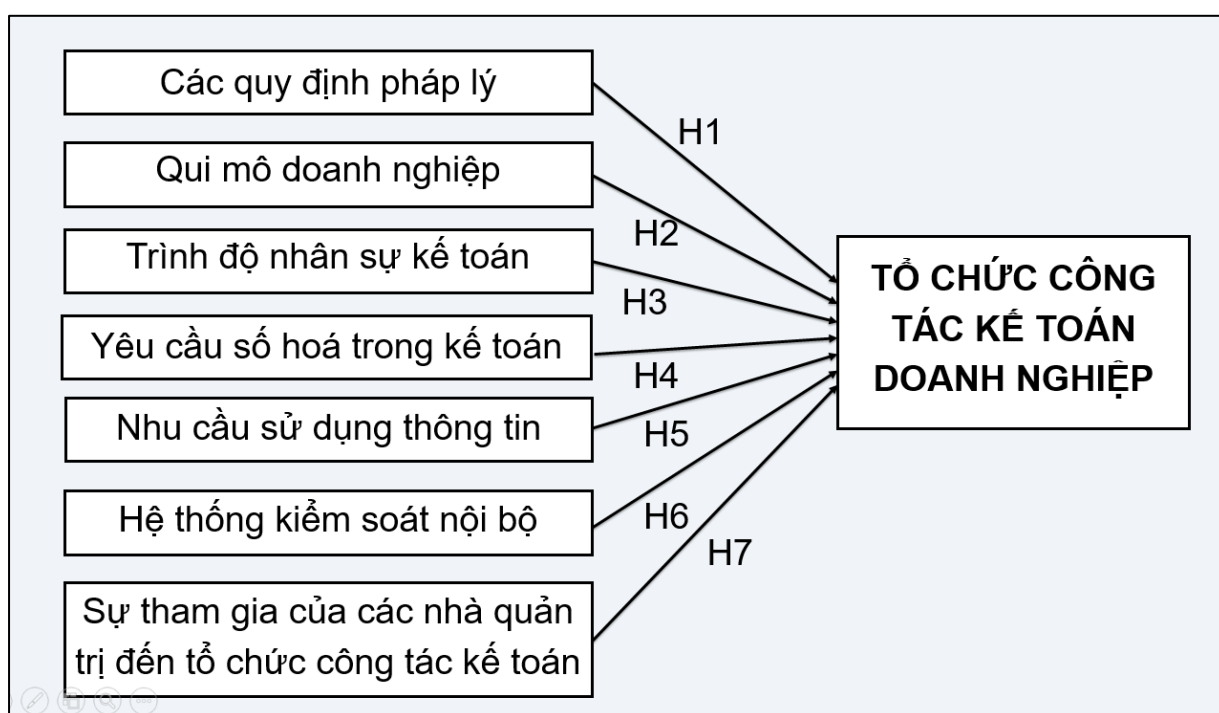
+ Đề xuất giải pháp để cải thiện tổ chức công tác kế toán DN tại thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ chuyển đổi số.

Kết quả và thảo luận

- Qua quá trình thực hiện đề tài “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán DN tại thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ chuyển đổi số”, kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả như sau:

Mô hình nghiên cứu

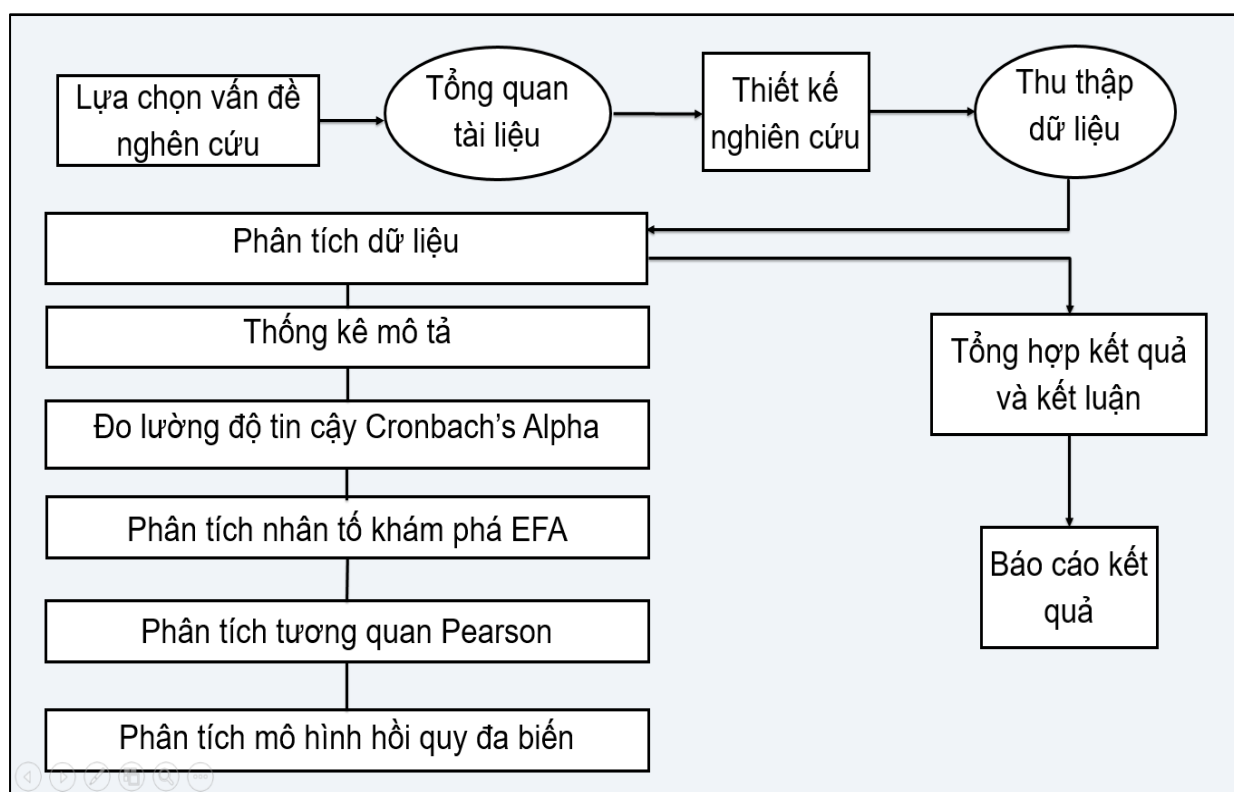
- Dựa trên cơ sở nghiên cứu các đề tài về các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán DN trong thời kỳ chuyển đổi số, nhóm tác giả xác định tập trung và nghiên cứu tổ chức công tác kế toán tại thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ chuyển đổi số, mô hình nghiên cứu gồm các nhân tố sau. Các nhân tố này được xây dựng với 7 giả thiết (Từ H1 đến H7) và đều ảnh hưởng tích cực đến tổ chức công tác kế toán DN.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

Quy trình nghiên cứu

- Quy trình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán DN, nhóm tác giả thực hiện theo sơ đồ dưới đây:

**Hình 2. Quy trình nghiên cứu**

Phương pháp phân tích

Kết quả phân tích thống kê mô tả

Thống kê mô tả tần số

- Trong số 139 thu về 210 phiếu sát trong đó thì 7 DN thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỷ lệ 3,3%, 31 DN thuộc lĩnh vực công nghiệp, xây dựng chiếm tỷ lệ 14,8%, 169 DN thuộc lĩnh vực thương mại, dịch vụ chiếm tỷ lệ 80,5%, 3 DN thuộc lĩnh vực khác chiếm 1,429%. Cho thấy 80,5% hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, phản ánh đặc trưng kinh tế của thành phố với thế mạnh về du lịch, cảng biển và kinh doanh. Khảo sát các doanh nghiệp cho thấy loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên phổ biến nhất với 111 công ty chiếm 52,9%, công ty TNHH một thành viên đứng thứ hai với 54 công ty chiếm 25,7%, công ty cổ phần chiếm 20% với 42 công ty và doanh nghiệp tư nhân chỉ chiếm 1,4% với 3 công ty. Cơ cấu đối tượng khảo sát theo chức vụ nắm giữ trong công ty trong đó giám đốc/phó giám đốc chiếm tỷ lệ cao nhất 33,81% với số phiếu là 71, kế toán trưởng chiếm 27,62% với 58 phiếu, nhân viên kế toán có 55 phiếu với tỷ lệ 26,2% và cuối cùng là các vị trí khác trong công ty với 26 phiếu chiếm 12,4%. Điều này cho thấy khảo sát thu hút sự tham gia của nhiều cấp quản lý trong doanh nghiệp, đặc biệt là giám đốc/phó giám đốc và kế toán trưởng, những người có vai trò quan trọng trong việc ra quyết định tài chính.

Thống kê mô tả trung bình

Các quy định pháp lý:					
	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
LR01	210	3	5	4,30	0,636
LR02	210	3	5	4,24	0,619
LR03	210	3	5	4,21	0,654
LR04	210	3	5	4,19	0,670
LR05	210	3	5	4,20	0,645
LR06	210	2	5	4,16	0,744
Valid N (listwise)	210				

Kết quả trên cho thấy biến LR01 có giá trị mean là 4,30 (cao nhất) và biến LR06 có giá trị mean là 4,16 (thấp nhất). Số liệu này cho biết các công ty được khảo sát coi các quy định pháp lý hiện nay là phù hợp với các công ty. Mặc khác, qua kết quả tổng hợp khảo sát với các số liệu mức trung bình (từ 4,16 đến 4,30) cho thấy mức độ đồng tình về các quy định pháp lý có ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của các công ty được khảo sát là khá cao.

Quy mô doanh nghiệp:

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
BS01	210	3	5	4,07	0,656
BS02	210	3	5	4,10	0,678
BS03	210	3	5	4,20	0,660
Valid N (listwise)	210				

Kết quả trên cho thấy biến BS03 có giá trị mean là 4,20 (cao nhất) và biến BS01 có giá trị mean là 4,07 (thấp nhất). Số liệu này cho biết các công ty được khảo sát coi quy mô của doanh nghiệp hiện tại là phù hợp với các công ty. Mặc khác, qua kết quả tổng hợp khảo sát với các số liệu mức trung bình (từ 4,07 đến 4,20) cho thấy mức độ đồng tình về quy mô doanh nghiệp có ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của các công ty được khảo sát là khá cao.

Trình độ nhân sự kế toán:

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
APQ01	210	2	5	4,11	0,696
APQ02	210	3	5	4,10	0,671
APQ03	210	3	5	4,14	0,655
APQ04	210	3	5	4,09	0,686
APQ05	210	2	5	4,21	0,639
APQ06	210	3	5	4,20	0,674
APQ07	210	3	5	4,27	0,674
Valid N (listwise)	210				

Biến APQ07 có giá trị mean là 4,27 (cao nhất) và biến APQ04 có giá trị mean là 4,09 (thấp nhất). Số liệu này cho thấy các công ty được khảo sát coi trình độ nhân sự kế toán hiện tại là phù hợp với công ty. Mặt khác, qua kết quả tổng hợp khảo sát với các số liệu về mức trung bình (từ 4,09 đến 4,27) cho thấy mức độ đồng tình về trình độ nhân sự kế toán có ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của các công ty được khảo sát là khá cao.

Yêu cầu số hoá trong kế toán

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
DRA01	210	3	5	4,25	0,676
DRA02	210	3	5	4,12	0,760
DRA03	210	3	5	4,25	0,669
DRA04	210	3	5	4,20	0,662
DRA05	210	3	5	4,20	0,702
Valid N (listwise)	210				

Kết quả trên chỉ ra rằng các công ty, doanh nghiệp được khảo sát đồng tình về Yêu cầu số hoá trong kế toán khá cao, thể hiện ở các số liệu về mức trung bình (từ 4,12 đến 4,25)

Nhu cầu sử dụng thông tin trong kế toán

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
DAI01	210	3	5	4,07	0,645
DAI02	210	2	5	4,10	0,699
DAI03	210	3	5	4,23	0,647
Valid N (listwise)	210				

Kết quả trên chỉ ra rằng các công ty, doanh nghiệp được khảo sát đồng tình về Nhu cầu sử dụng thông tin trong kế toán khá cao, thể hiện ở các số liệu về mức trung bình (từ 4,07 đến 4,23)

Hệ thống kiểm soát nội bộ:

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
ICS01	210	2	5	4,13	0,697
ICS02	210	3	5	4,10	0,677
ICS03	210	2	5	4,21	0,696
ICS04	210	3	5	4,24	0,651
ICS05	210	3	5	4,24	0,651
Valid N (listwise)	210				

Kết quả trên chỉ ra rằng các công ty, doanh nghiệp được khảo sát đồng tình về Hệ thống kiểm soát nội bộ khá cao, thể hiện ở các số liệu về mức trung bình (từ 4,10 đến 4,24)

Sự tham gia của các nhà quản trị tới tổ chức công tác kế toán

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
MI01	210	2	5	4,11	0,679
MI02	210	3	5	4,12	0,687
MI03	210	2	5	4,16	0,693
MI04	210	2	5	4,15	0,682
Valid N (listwise)	210				

Kết quả trên chỉ ra rằng các công ty, doanh nghiệp được khảo sát đồng tình về Sự tham gia của các nhà quản trị tới tổ chức công tác kế toán khá cao, thể hiện ở các số liệu về mức trung bình (từ 4,11 đến 4,16)

Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp:

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
EAO01	210	3	5	4,35	0,552
EAO02	210	3	5	4,20	0,624
EAO03	210	2	5	4,15	0,564
EAO04	210	2	5	4,05	0,636
Valid N (listwise)	210				

Biến EAO01 có giá trị mean là 4,35 (cao nhất) và biến EAO04 có giá trị mean là 4,05 (thấp nhất). Số liệu này cho thấy các công ty được khảo sát coi tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp là phù hợp với công ty. Mặc khác, qua kết quả tổng hợp khảo sát với các số liệu về mức trung bình (từ 4,05 đến 4,35) cho thấy mức độ đồng tình về tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp có ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của các công ty được khảo sát là khá cao.

Kết quả kiểm tra hệ số tin cậy Cronbach's Alpha (lần 1)

	Quy định pháp lý (LR)	Qui mô doanh nghiệp (BS)	Trình độ nhân sự kế toán (APQ)	Yêu cầu số hoá trong kế toán (DRA)	Nhu cầu sử dụng thông tin trong kế toán (DAI)	Hệ thống kiểm soát nội bộ (ICS)	Sự tham gia của các nhà quản trị đến tổ chức công tác kế toán (MI)
Hệ số Cronbach's Alpha	0,765	0,702	0,809	0,760	0,683	0,821	0,754
Tương quan biến tổng	>0,3	>0,3	>0,3	>0,3	>0,3	>0,3	>0,3

Qua hệ số Cronbach's Alpha ở trên, các nhân tố có hệ số Cronbach's Alpha $> 0,6$ do vậy có thể khẳng định độ tin cậy của các nhân tố. Các biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3, đạt yêu cầu nên được giữ lại để tiến hành phân tích nhân tố tiếp theo.

Phân tích nhân tố khám phá EFA cho biến độc lập

Kết quả chạy EFA cho biến độc lập

	KMO $0,5 < \text{KMO} < 1$	Sig Bartlett's Test ($P < 0,05$)	Phương sai trích ($> 50\%$)	Số nhân tố được rút trích	Các item bị loại bỏ (Factor loading $< 0,5$)
EFA lần 1	0,874	0,000	63,920	9	DAI01, DAI03, MI04
EFA lần 2	0,866	0,000	62,682	8	LR06
EFA lần 3	0,866	0,000	60,071	7	Không có

Nhân tố	Items (biến quan sát)
DAI01	Doanh nghiệp hiểu rõ nhu cầu sử dụng thông tin của các đối tượng trong và ngoài DN
DAI03	Đối tượng sử dụng thông tin đa dạng đòi hỏi tổ chức công tác kế toán càng chặt chẽ
MI04	Thông tin kế toán trình bày trên báo cáo tài chính làm chủ DN hài lòng
LR06	Việc bổ sung và hoàn thiện khung pháp lý về kế toán DN theo IFRS là yêu cầu tất yếu hiện nay

- Từ kết quả ma trận xoay sau khi thực hiện EFA lần 3 cho thấy, 29 biến quan sát được phân thành 7 nhân tố, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố Factor Loading lớn hơn 0,5, các nhân tố này được gom lại và đặt tên cụ thể như sau:

+ Nhân tố 1 gồm: ICS01, ICS02, ICS03, ICS04, ICS05 vẫn giữ nguyên tên là HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ (ICS)

+ Nhân tố 2 gồm: MI01, MI02, MI03, DRA04, DRA05 DAI02 đặt tên là SỰ THAM GIA CỦA CÁC NHÀ QUẢN TRỊ VÀ TRANG THIẾT BỊ (INVOLVEMENT OF MANAGERS AND EQUIPMENT) (IME)

+ Nhân tố 3 gồm: APQ01, APQ02, APQ03, APQ04 vẫn giữ nguyên tên là TRÌNH ĐỘ NHÂN SỰ KẾ TOÁN (APQ)

+ Nhân tố 4 gồm: APQ05, APQ06, APQ07 được đặt tên là KỸ NĂNG NHÂN VIÊN KẾ TOÁN (ACCOUNTANT SKILLS) (AS)

+ Nhân tố 5 gồm: LR01, LR02, LR03, LR04, LR05 vẫn giữ nguyên tên là CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LÝ (LR)

+ Nhân tố 6 gồm BS01, BS02, BS03 vẫn giữ nguyên tên là QUY MÔ DOANH NGHIỆP (BS)

+ Nhân tố 7 gồm: DRA01, DRA02, DRA03 vẫn giữ nguyên tên là YÊU CẦU SỐ HOÁ TRONG KẾ TOÁN (DRA)

Từ kết quả trên nhóm tác giả tiếp tục thực hiện kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach Alpha cho 7 nhân tố mới, kết quả như sau:

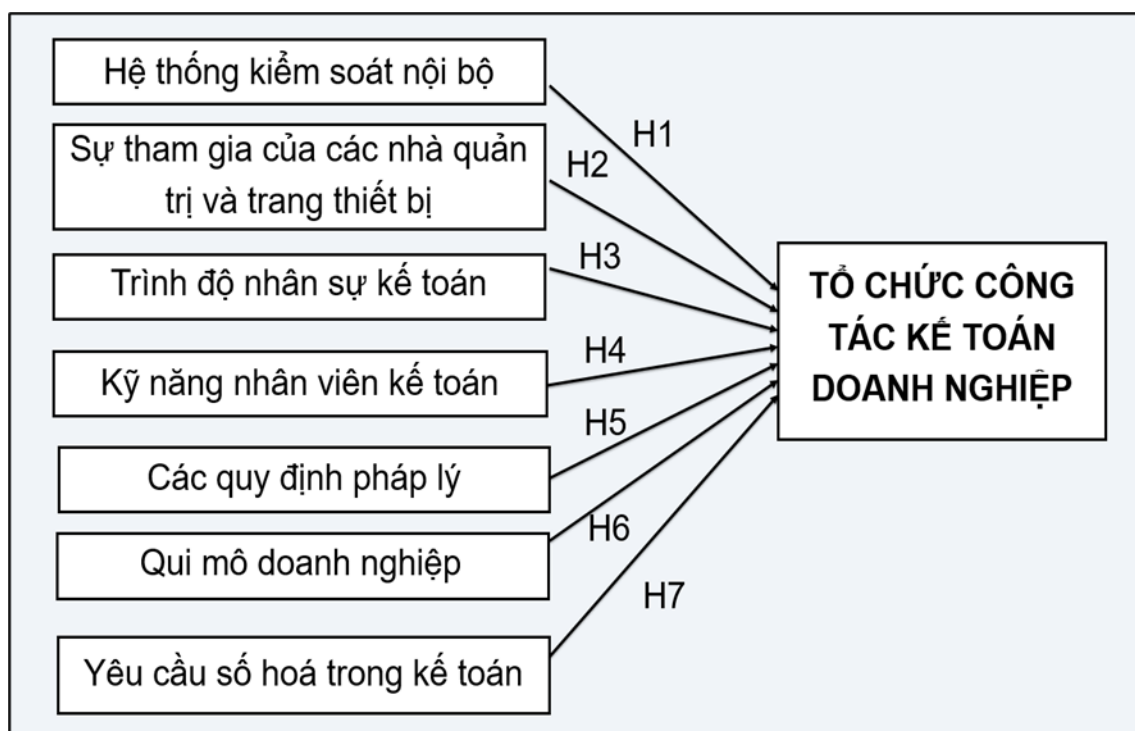
	Hệ thống kiểm soát nội bộ (ICS)	Sự tham gia của các nhà quản trị và trang thiết bị (IME)	Trình độ nhân sự kế toán (APQ)	Kỹ năng nhân viên kế toán (AS)	Các quy định pháp lý (LR)	Quy mô doanh nghiệp (BS)	Yêu cầu số hoá trong kế toán (DRA)
Items	ICS01	MI01	APQ01		LR01	BS01	DRA01 DRA02 DRA03
	ICS02	MI02	APQ02	APQ05	LR02	BS02	
	ICS03	MI03	APQ03	APQ06	LR03	BS03	
	ICS04	DRA04	APQ04	APQ07	LR04		
	ICS05	DRA05			LR05		
		DAI02					
Hệ số Cronbach alpha	0,821	0,787	0,777	0,684	0,752	0,702	0,688
Tương quan biến tổng	>0,3	>0,3	>0,3	>0,3	>0,3	>0,3	>0,3

Kết quả chạy kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach Alpha cho 7 nhân tố mới cho thấy tất cả hệ số tin cậy thang đo Cronbach Alpha của 7 nhân tố đều lớn hơn 0,6, các biến quan sát đều có tương quan biến tổng lớn hơn 0,3. Như vậy thang đo đạt độ tin cậy, các biến quan sát đều có ý nghĩa giải thích tốt cho 7 nhân tố.

Kết quả chạy EFA có biến phụ thuộc

	KMO 0,5<KMO<1	Sig Bartlett's Test (P<0,05)	Phương sai trích (>50%)	Số nhân tố được rút trích	Các item bị loại bỏ (Factor loading <0,5)
EFA lần 1	0,692	0,000	56,346	1	

Kết quả phân tích cho thấy có một nhân tố được trích tại Eigenvalue bằng 2.254 > 1. Nhân tố này giải thích được 56.346% biến thiên dữ liệu của 4 biến quan sát tham gia vào EFA. Việc trích được chỉ một nhân tố là điều tốt, nghĩa là thang đo đó đảm bảo được tính đơn hướng, các biến quan sát của biến phụ thuộc hội tụ khá tốt.



Sơ đồ 3. Sơ đồ mô hình nghiên cứu được hiệu chỉnh

Từ kết quả trên, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu mới với các giả thuyết như sau:

Các giả thuyết được chúng tôi xây dựng lại cho mô hình như sau:

+ H1: : Hệ thống kiểm soát nội bộ (ICS) ảnh hưởng tích cực đến tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp

+ H2: Sự tham gia của các nhà quản trị và trang thiết bị (IME) ảnh hưởng tích cực đến tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp

+ H3: Trình độ nhân sự kế toán (APQ) ảnh hưởng tích cực đến tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp

+ H4 : Kỹ năng nhân viên kế toán (AS) ảnh hưởng tích cực đến tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp

+ H5: Các quy định pháp lý (LR) ảnh hưởng tích cực đến tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp

+ H6: Qui mô doanh nghiệp (BS) ảnh hưởng tích cực đến tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp

+ H7: Yêu cầu số hoá trong kế toán (DRA) ảnh hưởng tích cực đến tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp

Phân tích tương quan Pearson

Correlations									
		Mean_EAO	Mean_ICS	Mean_IME	Mean_APQ	Mean_LR	Mean_BS	Mean_DRA	Mean_AS
Mean_EAO	Pearson Correlation	1	.590**	.696**	.517**	.466**	.452**	.607**	.554**
	Sig. (2-tailed)		.000	.000	.000	.000	.000	.000	.000
	N	210	210	210	210	210	210	210	210
Mean_ICS	Pearson Correlation	.590**	1	.564**	.387**	.374**	.330**	.499**	.454**
	Sig. (2-tailed)	.000		.000	.000	.000	.000	.000	.000
	N	210	210	210	210	210	210	210	210
Mean_IME	Pearson Correlation	.696**	.564**	1	.394**	.359**	.409**	.515**	.516**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000		.000	.000	.000	.000	.000
	N	210	210	210	210	210	210	210	210
Mean_APQ	Pearson Correlation	.517**	.387**	.394**	1	.359**	.313**	.401**	.532**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000		.000	.000	.000	.000
	N	210	210	210	210	210	210	210	210
Mean_LR	Pearson Correlation	.466**	.374**	.359**	.359**	1	.347**	.366**	.315**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000		.000	.000	.000
	N	210	210	210	210	210	210	210	210
Mean_BS	Pearson Correlation	.452**	.330**	.409**	.313**	.347**	1	.304**	.358**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	.000		.000	.000
	N	210	210	210	210	210	210	210	210
Mean_DRA	Pearson Correlation	.607**	.499**	.515**	.401**	.366**	.304**	1	.412**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	.000	.000		.000
	N	210	210	210	210	210	210	210	210
Mean_AS	Pearson Correlation	.554**	.454**	.516**	.532**	.315**	.358**	.412**	1
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	.000	.000	.000	
	N	210	210	210	210	210	210	210	210

Qua bảng phân tích trên, nhóm tác giả nhận thấy giá trị Sig kiểm định t tương quan Pearson giữa 7 biến độc lập với biến phụ thuộc “Mean_EAO” đều nhỏ hơn 0,05. Như vậy, có mối liên hệ tuyến tính giữa các biến độc lập này với biến phụ thuộc. Một số cặp biến độc lập có giá trị Sig tương quan là $0,000 < 0,05$ và hệ số tương quan Pearson (Pearson Correlation lớn hơn 0,5. Như vậy các cặp biến độc lập này có mối tương quan tuyến tính rất mạnh. Có thể xảy ra đa cộng tuyến giữa cặp biến này. Điều này chỉ dừng lại ở mức nghi ngờ, việc chứng minh bằng bằng con số xem thực sự có đa cộng tuyến hay không sẽ được trình bày ở bước phân tích hồi quy đa biến.

Phân tích hồi quy tuyến tính

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính như sau:

Bảng ANOVA

ANOVA ^a						
	Model	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	25,525	7	3,646	54,039	0,000 ^b
	Residual	13,630	202	0,067		
	Total	39,155	209			
a. Dependent Variable: MEAN_EAO						
b. Predictors: (Constant), MEAN_DRA, MEAN_BS, MEAN_LR, MEAN_APQ, MEAN_ICS, MEAN_AS, MEAN_IME						

Giá trị sig kiểm định F trong bảng trên bằng $0,000 < 0,05$, do đó, mô hình hồi quy là phù hợp.

Bảng Model Summary

Model Summary ^b					
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	0,807 ^a	0,652	0,640	0,25976	1,895
a. Predictors: (Constant), MEAN_DRA, MEAN_BS, MEAN_LR, MEAN_APQ, MEAN_ICS, MEAN_AS, MEAN_IME					
b. Dependent Variable: MEAN_EAO					

Giá trị DW = 1,895, nằm trong khoảng 1,5 đến 2,5 nên kết quả không vi phạm giả định tự tương quan chuỗi bậc nhất (Yahua Qiao, 2011).

Bảng Coefficients

Coefficients ^a								
Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	0,117	0,216		818	0,414		
	MEAN_ICS	0,110	0,046	0,130	2,403	0,017	0,585	1,709
	MEAN_IME	0,303	0,052	0,335	5,889	0,000	0,531	1,883
	MEAN_APQ	0,106	0,043	0,129	2,497	0,013	0,646	1,548
	MEAN_AS	0,082	0,045	0,098	1,802	0,073	0,581	1,722
	MEAN_LR	0,105	0,045	0,110	2,305	0,022	0,750	1,334
	MEAN_BS	0,078	0,039	0,095	1,995	0,047	0,761	1,314
	MEAN_DRA	0,163	0,041	0,208	3,966	0,000	0,629	1,590
a. Dependent Variable: MEAN_EAO								

Kết quả phân tích trên cho thấy Biến MEAN_AS có giá trị kiểm định t bằng $0,073 > 0,05$ do đó biến này không có ý nghĩa trong mô hình hồi quy. Các biến còn lại đều có sig kiểm định t nhỏ hơn 0,05, do đó các biến này đều có ý nghĩa thống kê, đều tác động lên biến phụ thuộc MEAN_EAO. Hệ số hồi quy các biến độc lập này đều mang dấu dương, như vậy các biến độc lập có tác động thuận chiều lên biến phụ thuộc.

Từ các hệ số hồi quy, chúng ta xây dựng được hai phương trình hồi quy chuẩn hóa và chưa chuẩn hóa như sau:

-Phương trình hồi quy chưa chuẩn hóa

$$Y = 0,177 + 0,110 \times \text{MEAN_ICS} + 0,303 \times \text{MEAN_IME} + 0,106 \times \text{MEAN_APQ} + 0,105 \times \text{MEAN_LR} + 0,078 \times \text{MEAN_BS} + 0,163 \times \text{MEAN_DRA} + \varepsilon$$

- Phương trình hồi quy chuẩn hóa:

$$Y = 0,130 \times \text{MEAN_ICS} + 0,335 \times \text{MEAN_IME} + 0,129 \times \text{MEAN_APQ} + 0,110 \times \text{MEAN_LR} + 0,095 \times \text{MEAN_BS} + 0,208 \times \text{MEAN_DRA} + \varepsilon$$

Bảng 1. Tổng hợp mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố tới tổ chức công tác kế toán DN

STT	Nhân tố	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	IME: Sự tham gia của các nhà quản trị và trang thiết bị	0,335	33,5
2	DRA: Yêu cầu số hoá trong kế toán	0,208	20,8
3	ICS: Hệ thống kiểm soát nội bộ	0,130	13
4	APQ: Trình độ nhân sự kế toán	0,129	12,9
5	LR: Quy định pháp lý	0,110	11
6	BS: Qui mô doanh nghiệp	0,095	9,5
	Tổng	1.00	100%

Kết luận

Nhân tố “MEAN_IME” là nhân tố ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến nhân tố “MEAN_EAO”, với hệ số β chuẩn hóa cao nhất 0,335 và giá trị Sig= 0,000, phản ánh sự ảnh hưởng của nhân tố này chiếm 33.5% tới tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp. Trong thời kỳ chuyển đổi số, khi các nhà quản trị tích cực tham gia vào hoạt động vận hành, kết hợp với việc đầu tư đầy đủ trang thiết bị, sẽ tạo nên một môi trường hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả hơn. Trong thực tế, sự hiện diện và hỗ trợ từ lãnh đạo luôn là động lực lớn giúp cá nhân và tổ chức phát triển bền vững.

Nhân tố “MEAN_DRA” là nhân tố ảnh hưởng lớn thứ hai đến nhân tố “MEAN_EAO”, với hệ số β chuẩn hóa là 0,208 và giá trị Sig = 0,000, phản ánh mức độ ảnh hưởng chiếm 20,8% đến công tác kế toán doanh nghiệp. Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, yêu cầu số hóa trong hoạt động kế toán trở thành xu thế tất yếu. Việc ứng dụng công nghệ không những nâng cao tính chính xác và minh bạch mà

còn giúp tiết kiệm thời gian, tối ưu hóa quy trình và tăng cường khả năng kiểm soát thông tin tài chính trong doanh nghiệp.

Nhân tố “MEAN_ICS” đóng vai trò là một trong những yếu tố then chốt trong việc tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp, với hệ số β chuẩn hóa là 0,130, chiếm 13% ảnh hưởng. Hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng chặt chẽ giúp giám sát, phòng ngừa và phát hiện kịp thời các sai sót hoặc gian lận trong quá trình xử lý thông tin kế toán. Khi cơ chế kiểm soát được thiết lập rõ ràng và hiệu quả, tổ chức sẽ vận hành minh bạch và ổn định hơn, từ đó tạo dựng được lòng tin với các bên liên quan.

Nhân tố “MEAN_APQ” có hệ số β chuẩn hóa là 0,129, phản ánh mức ảnh hưởng 12.9% đến công tác kế toán trong doanh nghiệp. Trình độ nhân sự kế toán là yếu tố nền tảng đảm bảo việc vận hành hệ thống kế toán được chính xác, đầy đủ và tuân thủ pháp luật. Khi đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao, kinh nghiệm thực tiễn và tư duy linh hoạt, họ sẽ chủ động đề xuất các giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng công tác kế toán trong thời đại thay đổi nhanh chóng như hiện nay.

Nhân tố “MEAN_LR” mang hệ số β chuẩn hóa 0,110, chiếm 11% ảnh hưởng trong mô hình, cho thấy sự tác động nhất định của yếu tố pháp lý đối với công tác kế toán doanh nghiệp. Các quy định pháp luật là cơ sở để xây dựng quy trình, chuẩn mực và trách nhiệm trong hoạt động kế toán. Khi hệ thống pháp luật rõ ràng và được cập nhật kịp thời, doanh nghiệp sẽ dễ dàng tuân thủ, từ đó giảm thiểu rủi ro pháp lý và nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán.

Nhân tố “MEAN_BS” có hệ số β chuẩn hóa là 0,095, tương ứng với 9.5% ảnh hưởng – là nhân tố có mức tác động thấp nhất trong mô hình nghiên cứu. Tuy nhiên, quy mô doanh nghiệp vẫn là yếu tố ảnh hưởng đến cách tổ chức bộ máy kế toán, phân bổ nguồn lực và đầu tư vào công nghệ hay nhân sự. Doanh nghiệp có quy mô lớn thường có khả năng triển khai các hệ thống kế toán phức tạp và chuyên nghiệp hơn, trong khi doanh nghiệp nhỏ lại linh hoạt trong việc điều chỉnh quy trình kế toán phù hợp với quy mô và nguồn lực sẵn có.

Đề xuất giải pháp

Kết quả chỉ ra rằng, tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp chịu ảnh hưởng mạnh nhất bởi nhân tố Sự tham gia của các nhà quản trị và trang thiết bị, đồng nghĩa là khi các nhà quản trị quan tâm, chú trọng hơn nữa trong việc tổ chức công tác kế toán và trang thiết bị như phần mềm, máy tính tiên tiến sẽ tác động tích cực tới việc tổ chức công tác kế toán tổ chức kế toán doanh nghiệp. Bên cạnh đó tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp của sinh viên còn ảnh hưởng bởi các nhân tố hệ thống kiểm soát nội bộ, trình độ nhân sự kế toán, các quy định pháp lý, quy mô doanh nghiệp, yêu cầu số hoá trong kế toán.

Để khắc phục những nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp trong thời kỳ chuyển đổi số tại thành phố Đà Nẵng, nhóm tác giả có một số giải pháp như sau:

+ Nhân tố “Mean_IME” là nhân tố có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp: Chủ doanh nghiệp cần quan tâm, chú trọng hơn nữa trong việc tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp như đọc hiểu các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính, tham gia nghe giảng các lớp kế toán dành cho nhà quản lý từ đó góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại DN mình. Bên cạnh đó doanh nghiệp cũng nên đáp ứng yêu cầu công nghệ 4.0, trang bị đồng bộ máy móc thiết bị và thiết kế đường mạng hợp lý, sử dụng đồng bộ một phần mềm kế toán thống nhất.

+ Nhân tố “Mean_ICS” Kết quả nghiên cứu nhân tố này cho thấy hệ thống kiểm soát nội bộ có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp tại thành phố Đà Nẵng, việc kết hợp tổ chức kế toán với hệ thống kiểm soát nội bộ là điều cần thiết. Cụ thể DN cần: Xây dựng văn hóa công sở minh bạch, đào tạo đạo đức nghề nghiệp. Mỗi quý, tổ chức một buổi họp để phổ biến và giải thích các quy trình mới hoặc cập nhật, đảm bảo mọi nhân viên đều tham gia và hiểu rõ. Tạo các biểu mẫu (checklist) để nhân viên kiểm tra từng bước, đảm bảo không bỏ sót hoạt động kiểm soát nội bộ. Đánh giá rủi ro định kỳ, thiết lập ngưỡng rủi ro, sử dụng công nghệ phân tích để phòng tránh và phát hiện các giao dịch bất thường. Thành lập nhóm kiểm toán nội bộ chuyên trách (hoặc thuê đơn vị kiểm toán bên ngoài) để kiểm tra các biện pháp kiểm soát nội bộ mỗi 6 tháng.

+ Nhân tố “Mean_APQ” Đối với trình độ nhân sự kế toán, DN cần thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức tin học cho những người làm kế toán, đồng thời cập nhật chính sách, chế độ mới cho đội ngũ kế toán, xây dựng môi trường làm việc tích cực, quan hệ lao động hài hòa, lành mạnh; Khen thưởng, kỷ luật phải đúng người, đúng việc, đúng lúc; Tổ chức hội thảo trực tuyến hàng quý, mời chuyên gia giải đáp thắc mắc về chế độ kế toán, miễn phí cho DN; Khuyến khích tự học: Tạo hệ thống thưởng (tăng lương, thăng chức) cho nhân viên tự học và đạt chứng chỉ chuyên môn trong vòng; DN thực hiện bài kiểm tra định kỳ (6 tháng/lần) để đánh giá kỹ năng nhân viên (tính toán, phân tích, lập báo cáo) và phân công lại công việc phù hợp đồng thời lập bảng mô tả công việc (JD) chi tiết cho từng vị trí kế toán, đảm bảo nhân viên hiểu rõ trách nhiệm và được giao đúng nhiệm vụ sở trường.

+ Nhân tố “Mean_LR” Các quy định pháp lý cần điều chỉnh khung pháp lý để linh hoạt hơn, ví dụ: ban hành các hướng dẫn riêng cho từng loại hình DN hoặc tổ chức các buổi tập huấn để DN hiểu rõ và áp dụng hiệu quả. Ban hành thông tư bổ sung mỗi 6 tháng để hướng dẫn xử lý các giao dịch mới như thanh toán qua blockchain hoặc kinh doanh số. Tổ chức đào tạo định kỳ cho kế toán viên, cung cấp tài liệu hướng dẫn dưới dạng đơn giản hóa (biểu mẫu mẫu, video minh họa) và xây dựng kênh hỗ trợ trực tuyến từ cơ quan quản lý. Xây dựng một hệ thống trực tuyến duy nhất để DN nộp tất cả BCTC cho các cơ quan (thuế, thống kê, ngân hàng) chỉ trong một lần nhập liệu. Cung cấp các mẫu BCTC khác nhau cho DN nhỏ (2-3 trang) và DN lớn (5-7 trang), kèm hướng dẫn điền từng mục. Cam kết cơ quan nhà nước phản hồi hoặc yêu cầu bổ sung BCTC trong vòng 3 ngày làm việc để DN kịp thời chỉnh sửa.

+ Nhân tố “Mean_ BS” Để nâng cao hiệu quả công tác kế toán trong doanh nghiệp, cần có những giải pháp phù hợp với quy mô hoạt động. Trước tiên, doanh nghiệp cần xác định rõ quy mô của mình theo tiêu chí pháp luật để lựa chọn chế độ kế toán phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành như Thông tư 133/2016/TT-BTC hoặc Thông tư 200/2014/TT-BTC. Bên cạnh đó, việc áp dụng phần mềm kế toán phù hợp sẽ giúp doanh nghiệp tối ưu hóa quy trình hạch toán và quản lý tài chính. Ngoài ra, quy mô doanh nghiệp cũng ảnh hưởng đến mức độ quan tâm của lãnh đạo trong việc tổ chức công tác kế toán. Do đó, doanh nghiệp cần nâng cao nhận thức về vai trò của kế toán, xây dựng bộ máy kế toán phù hợp và đầu tư vào đào tạo nhân sự để đảm bảo chất lượng công tác kế toán. Đặc biệt, quy mô doanh nghiệp tỷ lệ thuận với nguồn lực tài chính dành cho hoạt động kế toán, vì vậy cần có kế hoạch phân bổ ngân sách hợp lý, vừa đảm bảo hiệu quả hoạt động, vừa tạo điều kiện đãi ngộ tốt để thu hút và giữ chân nhân sự kế toán có năng lực. Đồng thời, việc đầu tư vào công nghệ số hóa kế toán không chỉ giúp tiết kiệm chi phí vận hành mà còn nâng cao tính chính xác và hiệu quả trong quản lý tài chính.

+ Nhân tố “Mean_ DRA” Việc số hóa trong công tác kế toán đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý tài chính của doanh nghiệp. Trước tiên, doanh nghiệp cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ để tổ chức quá trình ghi nhận, xử lý và cung cấp thông tin kế toán một cách nhanh chóng, chính xác, kịp thời và thuận tiện hơn. Điều này giúp giảm thiểu sai sót và nâng cao tính minh bạch trong báo cáo tài chính. Bên cạnh đó, việc số hóa các chứng từ kế toán là yếu tố cần thiết để tối ưu hóa quá trình luân chuyển và sử dụng chứng từ, giúp kế toán viên dễ dàng tra cứu, kiểm soát và lưu trữ dữ liệu mà không mất nhiều thời gian. Để thực hiện hiệu quả quá trình này, doanh nghiệp cần đầu tư trang bị phần mềm kế toán hiện đại, phù hợp với đặc thù hoạt động của mình. Việc sử dụng phần mềm không chỉ giúp tiết kiệm thời gian, chi phí mà còn nâng cao tính bảo mật và khả năng tích hợp với các hệ thống quản lý khác. Nhờ đó, công tác kế toán trong doanh nghiệp sẽ trở nên chuyên nghiệp, khoa học và đáp ứng tốt hơn các yêu cầu quản lý tài chính trong thời đại số hóa.

Tài liệu tham khảo

- TS. Hoàng Thu Hiền, TS. Nguyễn Thị Thu Hằng (2021) Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp. “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp trong thời kỳ chuyển đổi số”.
- Hoàng Thị Thảo (2016), Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh về. “Các nhân tố ảnh hưởng đến việc tổ chức công tác kế toán tại các công ty ngành chế biến thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh”.
- Huỳnh Nguyên Thanh Trúc (2015), thuộc trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong ngành xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
- Vũ Thanh Long và Phan Thị Trà My (2021) về. *Mức độ tác động của các nhân tố đến công tác tổ chức kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành thương mại ở TP Hồ Chí Minh*.
- Vũ Thị Minh (2021) (Khoa kế toán- Trường Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh) về: “*Các nhân tố ảnh hưởng tới tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phân phối hàng hoá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*”.

TS. Dương Thị Vân Anh (2020) (Đại học Kinh tế Quốc Dân) về: "Số hóa và công nghệ chuyển đổi số trong công tác kế toán".

PGS.TS. Phạm Đức Cường Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân Viện Kế Toán - Kiểm Toán (2020). *Tổ chức kế toán trong các đơn vị kinh tế (NXB Tài chính 2020)*.

Liudmyla Zakharkina, Rubanov Pavlo, Alibekova Balsheker, Zakharkin Oleksii, Moldashbayeva Luiza (2022) *"The Impact of Digital Transformation in the Accounting System of Fuel and Energy Complex Enterprises (International Experience)"* (Ảnh hưởng của chuyển đổi số đối với hệ thống kế toán tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực nhiên liệu và năng lượng (Kinh nghiệm quốc tế)

Bài báo của tác giả Ismail, N. A. (2009), "Factors Influencing AIS Effectiveness among Manufacturing SMEs: Evidence from Malaysia" (Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngành sản xuất: Bằng chứng từ Malaysia).

Bài báo của Hiyari, A. A. (2013), "Factors that Affect Accounting Information System Implementation and Accounting Information Quality: A Survey in University Utara Malaysia" (*Các yếu tố ảnh hưởng đến việc triển khai hệ thống thông tin kế toán và chất lượng thông tin kế toán: Một khảo sát tại Đại học Utara Malaysia*).

Bài báo của Sodertrom, N. S., và Sun, K. J. (2007), "IFRS Adoption and Accounting Quality" (*Áp dụng IFRS và Chất lượng Kế toán*).

Nghiên cứu của Nouredine Kerrouchea và Fateh Belouadah (2024), *"Digital tranformation and the quality of financial report: Evidience from Saudi listed company"* (Chuyển đổi số và chất lượng báo cáo tài chính: Bằng chứng từ các công ty niêm yết tại Saudi)

Bài báo của Arkadiusz Januszewski và Natalia Buchalska-Sugajska (2023) *"Digital transformation in accounting firms in Poland"* (Chuyển đổi số trong các công ty kế toán tại Ba Lan)